TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường

2. Ông Nguyễn Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1986.

ĐKNKTT: Thôn 8, xã Trung Chính, Nông Cống, Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Quang M, sinh năm 1982.

ĐKNKTT: Thôn 8, xã Trung Chính, Nông Cống, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 63/3 tổ 12 ấp Đồng An, thị xã Thuận An, Bình Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh M (anh M có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 và bản tự khai ngày 28/5/2019, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đỗ Quang M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2009 tại UBND xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M nghi ngờ chị đã có quan hệ ngoại tình. Năm 2016 chị đã làm đơn ly hôn, được Tòa án hòa giải vợ chồng đã quay về đoàn tụ với nhau. Đến tháng 02/2019 vợ chồng lại mâu thuẫn với nhau và nguyên nhân mâu thuẫn vẫn là anh M nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị không có thai nghén gì với anh M. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Đỗ Quang H, sinh ngày 06/6/2009 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/10/2014.

Hiện nay cháu H đang ở với anh M, cháu K đang ở với chị T. Nguyện vọng của chị khi ly hôn là được nuôi cháu K còn anh M nuôi cháu H và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M và được nuôi cháu K còn anh M nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2019 bị đơn là anh Đỗ Quang M trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay. Do tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nên anh M cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung là Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/10/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 06/6/2009. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thu lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Đỗ Quang M nhưng anh M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của anh M không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

**** Về nội dung:***

- *Về đường lối giải quyết vụ án:*

Anh M và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính, Nông Cống, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2019. Tại bản tự khai, cả hai bên đương sự đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị được ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh M.

Về con chung: Hiện nay cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 06/6/2009 đang ở với anh M và cháu Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/10/2014 đang ở với chị T. Hai bên đương sự đều có nguyện vọng giao cháu H cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy đề nghị giao cháu K cho chị T, giao cháu H cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Trịnh Thị T phải chiu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Quang M có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Trịnh Thị T yêu cầu Tòa án

nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Quang M có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa anh Đỗ Quang M và chị Trịnh Thị T, thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Đỗ Quang M, tuy nhiên anh M đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh M là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Anh Đỗ Quang M và chị Trịnh Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính, huyện Nông Cống, Thanh Hóa ngày 15/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thẫu và đã làm đơn xin ly hôn, sau đó được sự phân tích, hòa giải của Tòa án, hai bên đương sự đã quay về đoàn tụ. Đến tháng 02/2019 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay cả hai vợ chồng đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên là Đỗ Quang H, sinh ngày 06/6/2009 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/10/2014. Hiện nay cháu H đang sống cùng anh M, cháu K đang sống cùng chị T.

Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn là được nuôi cháu K, còn cháu H giao cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai, nguyện vọng của anh M là được nuôi dưỡng cháu H, giao chị T nuôi dưỡng cháu K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của anh M và chị T thấy rằng:

Chị T và anh M kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính, Nông Cống vào ngày 15/01/2009, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn và năm 2016 vợ chồng đã làm đơn ly hôn nhưng được hòa giải về đoàn tụ. Đến tháng 02/2019 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay cả hai bên đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án được ly hôn.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Quang M. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Đỗ Quang H, sinh ngày 06/6/2009 và Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/10/2014.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T đều có nguyện vọng nuôi cháu Đỗ Tuấn K và anh M nuôi cháu Đỗ Quang H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phía anh M, anh xin được nuôi cháu Đỗ Quang H, chị T nuôi cháu Đỗ Tuấn K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của chị T và anh M thấy rằng: Hiện nay cháu Đỗ Tuấn K đang ở với chị T, cháu Đỗ Quang H đang sống cùng với anh M. Vì vậy, cần giao cháu Đỗ Tuấn K cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Quang H cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và tránh làm sáo trộn cuộc sống của các cháu và đảm bảo nguyện vọng của cả hai vợ chồng.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và công nợ chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu, xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Đỗ Quang M.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Tuấn K, sinh ngày 18/10/2014 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 06/6/2009 cho anh Đỗ Quang M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Quang M và chị Trịnh Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001940 ngày 16/5/2019 của Chi cục THADS Nông Cống (chị T đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị T, vắng mặt anh M. Chị T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Trung Chính, huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh